

Số: 13/2017/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2017

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý
trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng quản lý).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Nghị định số

54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cơ sở giáo dục đại học.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc

1. Hội đồng quản lý thực hiện nguyên tắc thảo luận tập thể, dân chủ, công khai, biểu quyết và quyết định theo đa số.

2. Hội đồng quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền.

3. Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật.

Chương II THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 4. Nguyên tắc, điều kiện thành lập Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Nguyên tắc thành lập Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 2, Thông tư số 03/2016/TT-BNV ngày 25/5/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2016/TT-BNV).

2. Điều kiện thành lập Hội đồng quản lý là tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này phải được Nhà nước xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp và được cơ quan có thẩm quyền công nhận, quyết định giao tài sản theo quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

Điều 5. Thủ tục, thẩm quyền quyết định thành lập và phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý

1. Thủ tục thành lập Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 03/2016/TT-BNV.

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Nội dung Đề án thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 03/2016/TT-BNV.

2. Thẩm quyền quyết định thành lập và phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 03/2016/TT-BNV.

**Chương III
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 03/2016/TT-BNV.

Điều 7. Cơ cấu của Hội đồng quản lý

Hội đồng quản lý có từ 05 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, không quá 02 Phó Chủ tịch và các ủy viên với cơ cấu như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ công lập không phải là Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì trong Hội đồng quản lý phải có ít nhất một ủy viên là đại diện Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

2. Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

3. Các ủy viên là đại diện Lãnh đạo của một hoặc một số đơn vị tham mưu về: tổ chức cán bộ, kế hoạch, tài chính, quản lý khoa học và công nghệ của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Một số ủy viên khác là công chức hoặc viên chức của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, trong đó có 01 ủy viên được cử làm Thư ký của Hội đồng quản lý.

Điều 8. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản lý

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố vợ, mẹ vợ, bố chồng, mẹ chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm công tác ít nhất 60 tháng ở một trong các lĩnh vực: khoa học và công nghệ, tổ chức cán bộ, kế hoạch, tài chính.

3. Người bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong vòng 05 năm gần nhất hoặc người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật thì không được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản lý.

Điều 9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản lý có thể đề nghị điều chỉnh thành viên khi cần thiết. Mỗi thành viên không tham gia Hội đồng quản lý quá hai nhiệm kỳ liên tục (trừ người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập). Sau mỗi nhiệm kỳ, thành viên Hội đồng quản lý được bổ nhiệm mới và bổ nhiệm lại nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định.

3. Các thành viên Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng thù lao kiêm nhiệm từ nguồn kinh phí hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản lý được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Trong quá trình hoạt động, nếu thành viên Hội đồng quản lý bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc có đơn đề nghị không làm thành viên Hội đồng quản lý thì Hội đồng quản lý xem xét, đề nghị cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 10. Hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng Hồ sơ bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý, bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý;
- b) Sơ yếu lý lịch và các tài liệu liên quan đến tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản lý quy định tại Điều 8 Thông tư này;
- c) Văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền cho phép công chức, viên chức tham gia Hội đồng quản lý.

2. Thủ tục bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý

Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2016/TT-BNV có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý.
2. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý.
3. Ban hành, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản lý và giám việc thực hiện các chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên.
4. Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý khi Chủ tịch Hội đồng quản lý vắng mặt.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Điều hành hoạt động của Hội đồng quản lý khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền.
2. Ký các văn bản của Hội đồng quản lý theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản lý

1. Tham gia và cho ý kiến về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý.
2. Góp ý kiến bằng văn bản về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý khi Hội đồng không tổ chức cuộc họp.
3. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý phân công.

4. Bảo mật thông tin được cung cấp theo quy định hiện hành.

Chương IV **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC** **CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**

Điều 14. Chế độ làm việc và thông tin, báo cáo

1. Hội đồng quản lý họp định kỳ mỗi quý một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý. Hội đồng quản lý hoạt động theo cơ chế tập thể và quyết định theo đa số trên cơ sở biểu quyết của các thành viên. Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý điều hành cuộc họp.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản lý được thông qua khi được ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng tham dự nhất trí (thông qua hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín) hoặc được ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản lý nhất trí bằng văn bản khi Hội đồng quản lý không tổ chức cuộc họp. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ biểu quyết ngang nhau thì Hội đồng quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng hoặc phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được ghi thành biên bản, có ý kiến, chữ ký của tất cả các dự họp hoặc ý kiến bằng văn bản của tất cả các thành viên Hội đồng trong trường hợp không tổ chức cuộc họp. Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được gửi đến các thành viên Hội đồng.

3. Thư ký Hội đồng có trách nhiệm ghi biên bản phiên họp Hội đồng, chuẩn bị nghị quyết của Hội đồng, tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, ký Nghị quyết.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các phiên họp của Hội đồng quản lý.

5. Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu, Chủ tịch Hội đồng quản lý báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, về kết quả và hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, về kết quả và hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 15. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 10, Thông tư số 03/2016/TT-BNV.

2. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Thông tư số 03/2016/TT-BNV.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý đáp ứng đủ điều kiện xây dựng Đề án thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Thông tư này.

2. Quyết định thành lập, bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý và phê duyệt Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Thông tư này.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này có trách nhiệm xây dựng Đề án, chuẩn bị hồ sơ bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Hội đồng quản lý và bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý theo quy định.

Điều 18. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2017.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định tại Thông tư này và Thông tư số 03/2016/TT-BNV ngày 25/5/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ điều kiện cụ thể, yêu cầu quản lý và pháp luật chuyên ngành, trường hợp cần thiết, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thành lập Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo và Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TCCB.



Trần Văn Tùng